

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 20-NQ/TW*) và Chương trình hành động số 34-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về xây dựng và phát triển Việt Nam thành quốc gia biển mạnh (sau đây viết tắt là *Chương trình hành động số 34-CTr/TW*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Chương trình hành động số 34-CTr/TW, với các nội dung như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tỉnh Hưng Yên có chiều dài đường bờ biển khoảng 54 km, với tọa độ địa lý khu vực biển dao động trong khoảng từ 20°18' đến 20°44' vĩ độ Bắc và từ 106°06' đến 106°39' kinh độ Đông. Phía Đông giáp Vịnh Bắc Bộ, phía Bắc giáp khu vực ven biển thành phố Hải Phòng, phía Nam giáp tỉnh Ninh Bình. Vùng ven biển tỉnh Hưng Yên có hệ thống cửa sông dày đặc, là nơi hợp lưu và đổ ra biển của các hệ thống sông lớn thuộc lưu vực sông Hồng, sông Thái Bình, bao gồm 5 cửa sông chính: cửa Thái Bình, cửa Diêm Hộ, cửa Trà Lý, cửa Lân, cửa Ba Lạt. Đây là khu vực chuyển tiếp điển hình giữa môi trường nước ngọt và nước mặn, hình thành nên hệ sinh thái cửa sông - ven biển đa dạng, có giá trị cao về sinh thái, môi trường và kinh tế.

Với vị trí nằm trong trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ, gần với các hành lang kinh tế ven biển và hệ thống đô thị, công nghiệp của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng biển tỉnh Hưng Yên có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế biển tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực. Đồng thời, khu vực này cũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, kiểm soát không gian biển, góp phần bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển ở khu vực phía Bắc.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của biển đối với sự phát triển của tỉnh, trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; từng bước cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sau 08 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vị trí, vai trò của biển và phát triển kinh tế biển ngày càng

được nâng cao; hệ thống cơ chế, chính sách từng bước được hoàn thiện; kinh tế thủy sản phát triển ổn định, cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tích cực; hạ tầng nghề cá được đầu tư tương đối đồng bộ, hiệu quả; nhiều dự án lớn trong lĩnh vực du lịch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, dịch vụ biển được thu hút đầu tư, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Công tác quy hoạch, đầu tư kết cấu hạ tầng vùng biển và ven biển được quan tâm; quản lý tài nguyên, môi trường biển từng bước được tăng cường; quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội trên biển cơ bản được bảo đảm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, các hoạt động phát triển kinh tế biển của tỉnh vẫn có nhiều các tồn tại, hạn chế như: Việc kết nối giao thông đường bộ đến các trung tâm xuất khẩu như Hải Phòng, Quảng Ninh còn hạn chế; các tuyến QL5, QL39 thường xuyên quá tải, chưa có tuyến cao tốc kết nối trực tiếp tới cảng biển ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động giao thông, vận tải biển. Hệ thống hạ tầng logistics thiếu đồng bộ khi cảng Diêm Điền bị bồi lắng, chưa thể tiếp nhận tàu trọng tải lớn; tỉnh chưa có sân bay, kho ngoại quan, trung tâm logistics hiện đại hay hệ thống cảng cạn (ICD), một số hạ tầng thiết yếu chưa thực sự đáp ứng yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu; việc phát triển các ngành kinh tế biển mới: điện gió ngoài khơi, nuôi biển công nghệ cao, logistics và dịch vụ cảng biển... còn gặp nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư; nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực biển chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng nguồn nhân lực biển còn hạn chế; công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển, thích ứng với biến đổi khí hậu còn nhiều thách thức do thiếu nguồn nhân lực và kinh phí để triển khai thực hiện, ảnh hưởng không nhỏ đến tiềm năng phát triển bền vững kinh tế, xã hội của tỉnh. Vì vậy, việc xây dựng Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế biển xanh, hiện đại, bền vững, đưa kinh tế biển trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của tỉnh, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là yêu cầu cấp thiết đối với tỉnh Hưng Yên trong giai đoạn hiện nay.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành Trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc. Chậm nhất đến năm 2030, khu vực kinh tế biển, ven biển trở thành cực tăng trưởng phía Nam của tỉnh và có đóng góp quan trọng đưa tỉnh Hưng Yên trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó, phát triển thành công, đột phá các ngành kinh tế biển theo thứ tự ưu tiên như sau: (1) Công nghiệp ven biển; (2) Du lịch và dịch vụ biển; (3) Kinh tế hàng hải; (4) Các tài nguyên khoáng sản biển; (5) Nuôi trồng và khai thác hải sản; (6) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới nhằm xây dựng được nền tảng cơ bản để Hưng Yên trở thành tỉnh mạnh về biển.

Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên và không gian biển dựa trên khoa học, công nghệ, dữ liệu số gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái biển dựa trên đổi mới tư duy quản trị biển, ứng dụng khoa học, công nghệ, dữ liệu số. Phát huy được lợi thế, hình thành các ngành kinh tế biển mũi nhọn, động lực và không gian phát triển mới, có đóng góp quan trọng tăng trưởng của tỉnh. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển được giữ vững. Nhân dân có cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc.

b. Mục tiêu cụ thể

- *Về kinh tế*: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đến năm 2030 của tỉnh phấn đấu đạt trên 11%/năm. Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh cao hơn 1,2 lần bình quân của cả nước.

- *Về phát triển không gian biển, hạ tầng biển*: Hoàn thiện hệ thống đường bộ ven biển kết nối các tỉnh Hải Phòng và Ninh Bình; phát triển đồng bộ khu kinh tế, các khu công nghiệp, cảng biển, logistic, năng lượng, đô thị và dịch vụ ven biển.

- *Về Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*: Tiếp cận, ứng dụng nhanh khoa học công nghệ biển hiện đại. Hình thành hạ tầng đồng bộ kết nối cơ sở dữ liệu biển quốc gia.

- *Về Quản trị không gian biển, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững*: Phát triển các vùng biển của tỉnh Hưng Yên hướng tới việc sử dụng tổng hợp, bền vững và an toàn vùng biển, ven biển; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế biển (cảng biển, công nghiệp, năng lượng, du lịch) với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đảm bảo quốc phòng - an ninh; việc phát triển các vùng biển tuân thủ Quy hoạch không gian biển quốc gia và yêu cầu phối hợp đa ngành, tránh xung đột lợi ích giữa các lĩnh vực (giao thông, thủy sản, du lịch, năng lượng, bảo tồn...). Tăng cường hợp tác với các bộ ngành và địa phương lân cận (Hải Phòng, Ninh Bình) trong quản lý vùng biển, xử lý hiệu quả các vấn đề ô nhiễm biển, biến đổi khí hậu, nước biển dâng...

Thực hiện bảo vệ, bảo tồn nghiêm ngặt các hệ sinh thái, khu hệ động, thực vật và đa dạng sinh học; Phòng, chống hoạt động khai thác trái phép, hoạt động xâm hại đến khu bảo tồn thiên nhiên. Quản lý, bảo vệ có hiệu quả khu hệ động, thực vật hiện có trong khu bảo tồn,...

Thực hiện theo phương án quản lý rừng bền vững khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Duy trì diện tích rừng trồng ven biển, nâng tỷ lệ che phủ rừng. Hạn chế quy hoạch, phát triển công trình, dự án, các hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng kho chứa hóa chất, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu có yếu tố độc hại đối với môi trường.

- *Về văn hóa xã hội*: 100% các di sản văn hóa biển trên địa bàn tỉnh được số hóa; Chỉ số phát triển con người (HDI) khu vực kinh tế biển đến năm 2030 đạt 0,81; 100% cư dân vùng biển được tiếp cận điện, nước sạch, Internet băng rộng và dịch vụ y tế, giáo dục.

- *Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hợp tác quốc tế*: Bảo đảm an ninh toàn

diện cho nhân dân và các hoạt động hợp pháp trên biển; 100% công trình, dự án trọng điểm và các công trình biển quan trọng trên địa bàn tỉnh được bảo đảm an ninh, an toàn. Xây dựng và triển khai có hiệu quả phương án ứng phó sự cố môi trường biển, thiên tai, nước biển dâng và các thách thức an ninh phi truyền thống.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Sau năm 2030, dự kiến thực hiện các dự án lấn biển có chọn lọc để tạo quỹ đất cho công nghiệp, đô thị, dịch vụ biển mở rộng Khu kinh tế. Xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành địa phương phát triển mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển nhanh và bền vững trên nền tảng kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và có năng lực cạnh tranh cao. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân vùng ven biển của tỉnh được nâng cao toàn diện; văn hoá biển được bảo tồn và phát huy; đưa Hưng Yên trở thành trung tâm kinh tế biển mạnh của phía Bắc; giàu bản sắc văn hóa, phát huy đầy đủ, mang đậm những giá trị cốt lõi của văn hóa vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị biển

- Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể của tỉnh tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, Chương trình hành động số 34-CTr/TW và Chương trình hành động này cho cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân bằng nhiều hình thức về các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng nhằm nâng cao nhận thức về tầm nhìn và phát triển quốc gia biển mạnh; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại về biển trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị biển của tỉnh; tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương và các lực lượng chức năng trong quản lý tổng hợp tài nguyên, môi trường và không gian biển.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực, địa phương trong quản lý, khai thác, sử dụng không gian biển trên địa bàn tỉnh.

- Phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về biển; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong xây dựng và phát triển Hưng Yên trở thành địa phương mạnh về biển, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng và phát triển Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh

2. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển biển

- Chủ động rà soát, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương về tài nguyên, môi trường biển và các lĩnh vực liên quan. Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù để phát

triển hạ tầng ven biển, hạ tầng logistics, cảng biển, dịch vụ hàng hải, năng lượng tái tạo, thủy sản công nghệ cao, du lịch biển, công nghiệp chế biến và các ngành kinh tế biển mới. Khuyến khích các mô hình đầu tư xanh, thông minh, tuần hoàn, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khai thác, sử dụng không gian biển. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phòng ngừa, ứng phó rủi ro và kiểm soát chặt chẽ các hoạt động tác động tiêu cực, gây ô nhiễm, suy thoái môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ Quy hoạch Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó có Phương án phân vùng sử dụng không gian biển của tỉnh Hưng Yên phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030. Kiểm soát, xử lý xung đột, thực hiện hoạt động lấn biển trên cơ sở quy hoạch, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; phát triển doanh nghiệp biển

- Tập trung phát triển không gian kinh tế ven biển trở thành một trong những động lực tăng trưởng mới của tỉnh; phát triển đồng bộ khu kinh tế, các khu công nghiệp, cảng biển, logistic, năng lượng, đô thị và dịch vụ ben biển. Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật các định hướng phát triển mô hình khu kinh tế mới theo chỉ đạo và quyết định của cấp có thẩm quyền.

- Ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút mọi thành phần kinh tế tham gia các ngành, lĩnh vực, dự án phục vụ phát triển kinh tế biển, liên kết vùng, các khu công nghiệp, các ngành du lịch, thương mại dịch vụ, năng lượng, logistics. Xây dựng danh mục dự án trọng điểm ưu tiên thực hiện vùng ven biển theo từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện. Huy động nguồn lực cho nghiên cứu phát triển và thúc đẩy tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao công nghệ trong các ngành công nghiệp quốc phòng, an ninh phục vụ bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển.

- Phát triển doanh nghiệp biển có năng lực cạnh tranh; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi cung ứng cảng biển, logistics, đóng tàu, du lịch, nuôi biển, chế biến thủy sản, năng lượng và công nghệ biển; tăng cường liên kết viện - trường - doanh nghiệp và liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh với tập đoàn trong nước, quốc tế.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực biển

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến về phát triển kinh tế biển gắn với điều tra cơ bản biển; ứng dụng khoa học công nghệ để đánh giá tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển như hàng hải, khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy, hải sản, năng lượng tái tạo, thông tin và công nghệ số.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, gắn kết trên nền tảng các doanh

nghiệp công nghệ số để giải quyết các vấn đề và đáp ứng nhu cầu phát triển của Trung tâm kinh tế biển Hưng Yên; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các giải pháp phát triển các ứng dụng công nghệ số trong ngành, lĩnh vực kinh tế biển gắn với công tác quản lý nhà nước trên địa bàn các địa phương ven biển; phát triển mô hình hợp tác tích hợp giữa chính quyền (các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã) - các trường đại học, cơ sở đào tạo nghề - khu công nghiệp, khu kinh tế - doanh nghiệp để thúc đẩy phát triển ứng dụng và chuyển giao công nghệ, nhất là công nghệ số, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

- Tập trung nguồn lực, ưu tiên thu hút đầu tư thực hiện các nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế biển; nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng mới, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu tái chế phục vụ các công trình ven biển. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ; thúc đẩy chuyển giao, tiếp nhận, nhanh chóng làm chủ công nghệ tiên tiến từ nước ngoài vào tỉnh.

- Nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao, phát triển các công nghệ tiên tiến về biển và đại dương; khuyến khích phát triển công nghệ lưỡng dụng. Đào tạo, thu hút, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao (trong đó có du lịch biển).

5. Đột phá phát triển các ngành kinh tế biển hiện đại, xanh, thông minh và các lĩnh vực biển mới

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số toàn diện các ngành, lĩnh vực biển trên địa bàn tỉnh; ưu tiên thu hút các dự án quy mô lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, đa mục tiêu, hạ tầng dùng chung, gắn với các chiến lược về quốc phòng, an ninh.

- Khai thác tài nguyên khoáng sản biển theo hướng hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực thiết kế, chế tạo, thi công các công trình. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống bảo quản, chế biến và chuỗi công nghiệp phụ trợ. Hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm.

- Cơ cấu lại ngành thủy sản theo chuỗi giá trị, hiện đại, bền vững; tăng cường bảo tồn, phát triển nguồn gen, tự chủ sản xuất giống thủy sản; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản và chế biến thủy sản. Cơ cấu lại, hiện đại hoá đội tàu, giảm khai thác ven bờ, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; đẩy mạnh khai thác xa bờ và nuôi biển công nghiệp công nghệ cao, gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.. Đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển đồng bộ hệ thống bảo quản, chế biến và chuỗi công nghiệp phụ trợ. Hoàn thiện chính sách đối với ngư dân, ngư nghiệp và ngư trường thúc đẩy phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm.

- Đa dạng sản phẩm du lịch chất lượng cao, có bản sắc, ưu tiên phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch khám phá văn hóa - như tham quan trải nghiệm. Khuyến khích mô hình du lịch cộng đồng ven biển, giúp người dân địa

phương tham gia cung cấp dịch vụ (âm thực hải sản, lưu trú homestay, hướng dẫn du lịch) qua đó nâng cao thu nhập và gìn giữ văn hóa bản địa. Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch đồng bộ, hiện đại; tăng cường liên kết các không gian du lịch ven biển trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển các dự án điện gió ngoài khơi và chuyển đổi năng lượng tại các vùng ven biển.

6. Phát triển đồng bộ hạ tầng biển, mở rộng không gian phát triển và hình thành các trung tâm kinh tế biển

- Phát triển hạ tầng đường bộ: Ưu tiên nguồn lực đầu tư 03 tuyến đường trục dọc kết nối KKT ven biển phía Nam tỉnh với khu vực trung tâm tỉnh, khu vực phía Bắc tỉnh và lan tỏa, liên kết phát triển kinh tế với các địa phương, khu vực kinh tế ngoài tỉnh.

- Phát triển đường thủy: Thực hiện hiện việc nâng cấp hệ thống cảng biển thông qua các dự án Khu bến Diêm Điền; Khu bến Trà Lý; Khu bến Ba Lạt (cửa sông Ba Lạt trên ranh giới Hưng Yên - Ninh Bình). Ngoài việc đảm bảo 03 khu bến chính được khai thác theo quy mô đã quy hoạch; cần nghiên cứu hình thành khu bến cảng ngoài cửa sông có khả năng tiếp nhận cỡ tàu đến 200.000 tấn.

- Về đường sắt: Đầu tư tuyến đường sắt kết nối trực tiếp với các cảng biển lớn, cảng hàng không quốc tế quan trọng; xem xét kết nối bằng đường sắt chuyên dùng từ các cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng cạn và trung tâm dịch vụ logistics trên các tuyến hành lang vận tải chính với mạng lưới giao thông quốc gia.

- Phát triển hạ tầng cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, viễn thông, hạ tầng số và hạ tầng xã hội tại các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch và khu dân cư ven biển; gắn phát triển đô thị biển xanh, thông minh, có bản sắc với chống ngập, thích ứng khí hậu và bảo đảm không gian tiếp cận công cộng với biển.

- Phát triển kinh tế ven biển theo hướng hiện đại, đa ngành, đa chức năng, gắn kết chặt chẽ với các trung tâm kinh tế và hành lang biển. Xây dựng cơ chế, chính sách để phát triển khu kinh tế ven biển Hưng Yên trở thành một trong những khu kinh tế năng động, cởi mở và thân thiện với nhà đầu tư bậc nhất Châu Á - nơi thể chế và chính sách đột phá thúc đẩy tự do kinh doanh, tự do dòng vốn, tự do nhân tài và tự do về quản trị, đóng vai trò cửa ngõ đưa miền Bắc Việt Nam ra thế giới với hướng phát triển theo mô hình tích hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, tập trung vào các ngành công nghiệp, công nghệ cao, dịch vụ số và chất lượng cao, hình thành một hệ sinh thái sống năng động - nơi đổi mới, sáng tạo và tăng trưởng diễn ra không ngừng

7. Bảo vệ môi trường, bảo tồn hệ sinh thái biển; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu

- Tập trung tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường biển, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác, nghiêm cấm các hành vi hủy diệt nguồn lợi như sử dụng chất nổ, hóa chất độc hại; xử phạt nghiêm các vi phạm. Tăng cường hoạt động trồng rừng, tái trồng rừng, tái tạo thảm thực vật và quản lý các khu rừng ngập

mặn ven biển là chiến lược then chốt để phục hồi hệ sinh thái, ứng phó biến đổi khí hậu và tạo nguồn tín chỉ carbon giá trị cao gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh

- Thực hiện nghiêm các quy định về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); nâng cao nhận thức, trách nhiệm của ngư dân, doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng trong nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm, bền vững.

- Quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống đô thị thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh và các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị ven biển, bảo đảm theo hướng bền vững, dựa vào hệ sinh thái, thích ứng thông minh với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, có hệ thống xử lý nước thải tập trung, đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiệt hại thiên tai, động đất, sóng thần, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến, đặc biệt là áp dụng các mô hình thông minh có khả năng thích ứng, chống chịu với thiên tai và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống biển xâm thực, xói lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn...

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống đê, kè, cống ven biển, cửa biển; hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai; phòng, chống biển xâm thực, sạt lở bờ biển, ngập lụt, xâm nhập mặn; hệ thống quan trắc, giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường, hóa chất độc trên biển.

- Huy động sự tham gia của doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và các tổ chức xã hội trong bảo vệ, phục hồi, quản lý và phát huy giá trị bền vững của các khu bảo tồn, hệ sinh thái biển.

8. Xây dựng văn hóa biển, nâng cao đời sống nhân dân và phát huy sức mạnh cộng đồng cư dân biển

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, sinh thái và bản sắc biển, không gian văn hóa, kiến trúc và di sản thiên nhiên ở vùng ven biển.

- Nâng cao đời sống, bảo đảm an ninh, an toàn cho dân cư vùng ven biển và những người lao động trên biển. Phát triển các thiết chế văn hoá cho cộng đồng dân cư biển và ven biển; phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hoá dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hoá biển. Bảo tồn không gian văn hoá, kiến trúc và di sản thiên nhiên. Nâng cao nhận thức về biển và đại dương, xây dựng xã hội, ý thức, lối sống, hành vi văn hoá gần bó, thân thiện với biển. Phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển. Bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân đối với biển một cách công bằng, bình đẳng.

- Tập trung đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, tín ngưỡng, bảo tồn, tu bổ, phục hồi các di tích quốc gia đặc biệt, di sản thế giới... phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế - xã hội; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển du lịch, thể thao ở vùng biển. Thực hiện lồng ghép giữa bảo vệ các di sản

văn hóa, bảo vệ môi trường và các yêu cầu về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo vệ di sản với phát triển bền vững.

- Hỗ trợ ngư dân, người lao động biển chuyển đổi nghề, nâng cao kỹ năng, tiếp cận tín dụng, bảo hiểm và thị trường; phát triển tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp cộng đồng; xây dựng cộng đồng cư dân biển tự quản, an toàn, văn minh, tham gia bảo vệ môi trường và chủ quyền.

- Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, hiệp hội, doanh nghiệp và cộng đồng trong phát triển không gian biển, huy động nguồn lực xã hội và thực hiện các phong trào hướng về biển, đảo. Cùng cố thể trận lòng dân trên biển; phát huy vai trò của ngư dân, cư dân biển là chủ thể trực tiếp tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ hướng biển.

9. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn trên biển; tăng cường hợp tác quốc tế

- Không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển đảo để chống phá. Kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hoà bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, tạo cơ sở cho việc khai thác và sử dụng biển an toàn, hiệu quả. Chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương; tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác biển, trong đó chú trọng các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tri thức và đào tạo nguồn nhân lực.

- Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển đảo, lợi ích quốc gia, bảo đảm an ninh, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế biển.

- Nâng cao năng lực tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, y tế biển, ứng phó sự cố; phát huy vai trò ngư dân, doanh nghiệp vận tải, du lịch và cộng đồng trong bảo vệ chủ quyền, cung cấp thông tin và hỗ trợ lực lượng chức năng trên biển.

- Mở rộng hợp tác quốc tế có trọng tâm trong nghiên cứu biển, công nghệ đại dương, đào tạo, bảo tồn, quản trị biển, du lịch, logistics, năng lượng và ứng phó khí hậu; tăng cường thông tin đối ngoại, pháp luật quốc tế về biển và huy động nguồn lực tri thức, công nghệ, đầu tư chất lượng cao.

(Có phụ lục Danh mục nhiệm vụ, đề án, dự án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030 kèm theo Kế hoạch này)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện; phân công trách nhiệm các sở, ngành, địa phương và đơn vị liên quan bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện.

2. Ban Tuyên giáo và dân vận Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo định hướng các cơ quan thông tin, truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh về biển.

3. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch triển khai; tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện Nghị quyết và Kế hoạch hành động này; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về biển.

4. Các ban Đảng, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy, theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong công tác chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động này.

Nơi nhận:

- Các ban Đảng TW
- UBKTTW
- Văn phòng TW Đảng
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: CVP, PCVPTM
- Lưu VPTU, TH^{Dg}.

} (báo cáo),

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Ký bởi: Tỉnh ủy Hưng Yên

Thời gian ký: 21/09/2026 16:17:42

Trần Quốc Toàn